TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 164 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 -5- 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Thanh Sơn**
2/ Bà **Mai Thị Thu Hà**

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **Ông Nguyễn Văn Tú-** Kiểm sát viên

Ngày **30** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Mỹ N ,** sinh năm**:** 1985 **(Có mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 7, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang

2.*Bị đơn*: Anh **Trần Hoài H,** sinh năm: 1988 **(Vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Hòa Long 4, TT An Châu, Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 6/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Hoài H kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị về cha mẹ chồng chung sống , vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẩn, do bất đồng trong cuộc sống, anh Hsinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo gia đình

vợ con. Sau đó chị về nhà cha mẹ chung sống, chị cũng tạo điều kiện hàn gắn nhưng anh H không thay đổi vẫn ăn chơi, cờ bạc. Từ tháng 10 năm 2017 chị và anh H ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hoài H.

Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Hoài H có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh năm 2005 và Trần Quang T, sinh năm: 2012. Hiện hai cháu H và cháu T đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu H và cháu T, chị không yêu cầu anh Hận cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Hoài H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Hoài H vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh H. Tại biên bản xác minh anh H ngày 13/4/2018 thì anh H cho biết. Về hôn nhân: Anh và chị Nương kết hôn vào năm 2004, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cải nhau vợ chồng ly thân nhau hơn 6 tháng nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của N thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và N có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 2005, Trần Quang T, sinh năm: 2012. Hiện 2 cháu đang sống với chị N. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về con chung: Đề nghị giao cháu H và cháu T cho chị N nuôi dưỡng.Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Hoài H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên

vào ngày 27/4/2018 anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Hoài H theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Mỹ N kết hôn vào năm 2004, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị N trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn một năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, anh H sinh ra ăn chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị cố gắng chịu đựng khuyên can nhưng anh H không từ bỏ, nên vợ chồng luôn bất hòa với nhau, gia đình không êm ấm hạnh phúc, kéo dài thời gian chịu đựng vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẩn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẩn.Thời gian ly thân hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai của anh H ngày 13/4/2018, anh H trình bày là vợ chồng có phát sinh, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hạnh phúc. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện tại chị N xác định không còn tình cảm với anh H, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị N và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Hoài H có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 2005, Trần Quang T, sinh năm: 2012. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai anh H ngày 13/4/2018 thì anh H cũng đồng ý để chị N nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con. Vả lại tại biên bản lấy lời khai cháu Trần Thị Ngọc H đề ngày 27/4/2018 thì cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với chị N. Còn cháu Trần Quang T xét thấy từ nhỏ đến nay đều sống chung với chị N, được chị và gia đình chăm sóc, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai cháu, nghĩ nên để chị N được tiếp tục nuôi cháu H và cháu T là phù hợp. Anh Trần Hoài H thì không cấp dưỡng nuôi con

[2.4] **Về tài sản và nợ chung**: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[2.5] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Lê Thị Mỹ N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Hoài H

2**. Về nuôi con chung**: Chị Lê Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 2005, Trần Quang T, sinh năm: 2012 Anh Trần Hoài H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này

3**. Về tài sản và nợ chung:** Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4 **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Lê Thị Mỹ Nphải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003363 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5**. Về kháng cáo**: Chị Lê Thị Mỹ N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2018). Anh Trần Hoài H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung